

TP HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Học viện Chính trị khu vực II công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	2.930		27,94
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu đào tạo không tập trung		1.350		14,33
3	Thu sự nghiệp khác		1.580		148,08
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	2.930		27,94
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi đào tạo không tập trung	0	1.350		14,33
3	Chi sự nghiệp khác	0	1.580		148,08
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0,00
1	Số thu phí, lệ phí	0	0		0,00
2	Thu đào tạo không tập trung	0	0		0,00
3	Thu sự nghiệp khác	0	0		0,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	121.735	19.204	15,78	123,02
I	Nguồn ngân sách trong nước	121.735	19.204	15,78	123,02
1	Chi quản lý hành chính	0	0		0,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		0,00

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0		0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (Loại 100-102)	2.103	360	17,12	114,29
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.103	360	17,12	114,29
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0		0,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	840	150	17,86	150,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	1.263	210	16,63	97,67
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0		0,00
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		0,00
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	119.332	18.844	15,79	123,20
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Loại 070-083)	77.529	18.844	24,31	123,20
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-083)	41.303		0,00	0,00
	Trong đó:				
	<i>Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>37.700</i>		0,00	0,00
	<i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác (2)</i>	<i>3.603</i>			
3.3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-085)	500			
4	Chi điều tra cơ bản- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	300		0,00	0,00
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	300		0,00	0,00

Ghi chú:

Dự toán năm bao gồm dự toán năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-083)(Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ): 14.775.000.000 đồng
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-085): 300.000.000 đồng.

Thủ trưởng đơn vị  
PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Tấn Vinh